

**CÔNG TY TNHH QUANG TRUNG STONE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH QUANG TRUNG STONE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUANG TRUNG STONE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: QUANG TRUNG STONE CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109588492

**3. Ngày thành lập:** 08/04/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 13, khối phố Nguyên Khê, Xã Nguyên Khê, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0941562128

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                          | 0810(Chính) |
| 2.  | Khai thác và thu gom than cứng                                                           | 0510        |
| 3.  | Khai thác và thu gom than non                                                            | 0520        |
| 4.  | Khai thác quặng sắt                                                                      | 0710        |
| 5.  | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt                                             | 0722        |
| 6.  | Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón                                             | 0891        |
| 7.  | Khai thác và thu gom than bùn                                                            | 0892        |
| 8.  | Khai thác muối                                                                           | 0893        |
| 9.  | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu                                                  | 0899        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên                               | 0910        |
| 11. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                        | 1621        |
| 12. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                  | 1622        |
| 13. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                  | 1623        |
| 14. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện | 1629        |
| 15. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                            | 3100        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (Trừ mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;                                            | 4649 |
| 17. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến (Trừ loại nhà nước cấm);<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn kính xây dựng;<br>- Bán buôn sơn, véc ni;<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim;                                                                                                                                                                  | 4663 |
| 18. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ);                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4620 |
| 19. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Đồ ngũ kim, sơn, màu, véc ni, kính xây dựng, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh;                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4752 |
| 20. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4759 |
| 21. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học và thiết bị chính xác; Kính đeo mắt (trừ kính thuốc); Đồng hồ và đồ trang sức; Hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh; Hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tính ngưỡng khác (Theo quy định của pháp luật); Tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại (trừ đồ cổ); | 4773 |
| 22. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5610 |
| 23. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5629 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 24. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                               | 5621                                                                |
| 25. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar);                                                                                                                                                                                                        | 5630                                                                |
| 26. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                 | 7710                                                                |
| 27. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                              | 8230                                                                |
| 28. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); | 4659                                                                |
| 29. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)                                                                                                                                                                                           | 4662                                                                |
| 30. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                 | 5210                                                                |
| 31. | Bốc xếp hàng hóa<br>(Không bao gồm bốc xếp hàng hóa tại cảng hàng không)                                                                                                                                                                                               | 5224                                                                |
| 32. | Dịch vụ đóng gói<br>(Không bao gồm sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật                                                                                                                                                                                           | 8292                                                                |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Gửi hàng; Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn (Không bao gồm dịch vụ bưu chính);<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>(trừ vận tải hàng hóa hàng không)  | 5229                                                                |
| 34. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                         | 4933                                                                |
| 35. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.                                                                                                                              | 8299                                                                |
| 36. | (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                              | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGÔ QUANG TRUNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 31/10/1990 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001090009364

Ngày cấp: 14/09/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P23-B1 TT Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P23-B1 TT Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGÔ QUANG TRUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 31/10/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001090009364

Ngày cấp: 14/09/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P23-B1 TT Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P23-B1 TT Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội